

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐƯỜNG BỘ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐƯỜNG BỘ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Hà Nội - Tháng 02 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Đường bộ trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Đường bộ được thành lập theo Quyết định số 2131/QĐ – BGTVT ngày 12/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103015225 đăng ký lần đầu ngày 28/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 số 0100108078 ngày 15 tháng 07 năm 2015.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HIGHWAY ENGINEERING CONSULTANT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: HECO.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 278 Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Đường bộ là 15.000.000.000 đồng, trong đó:

- Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP nắm giữ 51%
- Các cổ đông khác nắm giữ 49 %

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Văn Bích	Chủ tịch HĐQT
	Ông Vũ Văn Chí	Phó chủ tịch HĐQT
	Ông Hoàng Văn Thọ	Thành viên HĐQT
	Ông Lê Ngọc Thanh	Thành viên HĐQT
	Ông Phạm Duy Khôi	Thành viên HĐQT

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

Ban Giám đốc	Ông Hoàng Văn Thọ	Giám đốc
	Ông Vũ Văn Chí	Phó Giám đốc
	Ông Phạm Duy Khôi	Phó Giám đốc
	Ông Lê Huy Thắng	Phó Giám đốc

Ban kiểm soát	Ông Nguyễn Hoạch Nguyên	Trưởng ban
	Bà Phạm Thị Hiến	Ủy viên
	Ông Đặng Vũ Tuấn	Ủy viên

Kế toán trưởng Công ty	Bà Nguyễn Hương Giang
-------------------------------	-----------------------

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Đại diện pháp luật của Công ty,



Hoàng Văn Thọ

Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2016

Số: 116/2016/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Về Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Đường bộ**

Kính gửi: **Các cổ đông**
 Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Đường bộ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Đường bộ, được lập ngày 28/02/2016, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Tài Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0133-2015-137-1
Theo giấy ủy quyền số 05/2015/UQ-CPA VIETNAM
ngày 10/10/2015 của Tổng Giám đốc Công ty

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2016

Đỗ Thị Thu Hương
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1417-2015-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33.308.047.752	28.574.675.666
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.622.672.956	11.206.167.022
1. Tiền	111		4.622.672.956	11.206.167.022
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.516.794.825	12.830.998.386
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	17.878.926.515	13.536.821.681
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.543.547.100	764.280.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	2.343.115.220	935.062.258
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.248.794.010)	(2.405.165.553)
III. Hàng tồn kho	140	5.5	9.168.579.971	3.839.112.681
1. Hàng tồn kho	141		9.168.579.971	3.839.112.681
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	698.397.577
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	6.799.600
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		-	691.597.977
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.866.077.286	2.256.998.885
I. Tài sản cố định	220		2.866.077.286	1.533.354.364
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	2.591.944.336	1.533.354.364
- Nguyên giá	222		6.349.330.074	5.269.753.407
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.757.385.738)	(3.736.399.043)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	274.132.950	-
- Nguyên giá	228		401.722.000	120.560.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(127.589.050)	(120.560.000)
II. Tài sản dài hạn khác	260		-	723.644.521
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	723.644.521
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		36.174.125.038	30.831.674.551

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		17.536.496.665	12.199.997.243
I. Nợ ngắn hạn	310		17.536.496.665	12.199.997.243
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	2.987.575.337	1.411.218.200
1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.9	6.125.677.260	6.743.633.914
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	1.093.727.351	127.894.864
3. Phải trả người lao động	314		3.827.010.000	1.525.102.875
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		24.036.146	24.036.146
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	3.391.607.323	2.352.965.179
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		86.863.248	15.146.065
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		18.637.628.373	18.631.677.308
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.12	18.637.628.373	18.631.677.308
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	11.550.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	11.550.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415		(1.280.000)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	3.352.686.176
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.638.908.373	3.728.991.132
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		520.000.000	3.728.991.132
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.118.908.373	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		36.174.125.038	30.831.674.551

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2016.

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Đinh Trọng Nghĩa

Nguyễn Hương Giang

Hoàng Văn Thọ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	57.024.950.011	56.729.834.484
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		57.024.950.011	56.729.834.484
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	41.050.885.754	41.396.404.415
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.974.064.257	15.333.430.069
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	318.894.739	569.966.080
7. Chi phí tài chính	22		-	88.671.323
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	11.747.539.036	11.065.067.013
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.545.419.960	4.749.657.813
11. Thu nhập khác	31		235.107.312	1.100.000
12. Chi phí khác	32		4.500.000	-
13. Lợi nhuận khác	40	6.5	230.607.312	1.100.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.776.027.272	4.750.757.813
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.7	1.052.118.899	1.056.021.226
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.723.908.373	3.694.736.587
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	2.800	3.199

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2016.

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Đinh Trọng Nghĩa

Nguyễn Hương Giang

Hoàng Văn Thọ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I.				
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		57.767.030.434	64.435.079.566
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(16.774.251.864)	(27.426.942.766)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(21.061.254.875)	(24.364.088.000)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(466.030.000)	(1.838.267.900)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.032.975.893	3.023.479.056
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(24.024.716.393)	(16.587.077.674)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.526.246.805)	(2.757.817.718)
II.				
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.681.230.000)	(36.686.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		245.000.000	
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		318.160.644	569.966.080
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.118.069.356)	533.280.080
III.				
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.939.912.000)	(1.734.734.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài	40		(1.939.912.000)	(1.734.734.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(6.584.228.161)	(3.959.271.638)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	11.206.167.022	15.165.438.660
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		734.095	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	4.622.672.956	11.206.167.022

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2016.

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Đinh Trọng Nghĩa

Nguyễn Hương Giang

Hoàng Văn Thọ

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Đường bộ được thành lập theo Quyết định số 2131/QĐ – BGTVT ngày 12/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103015225 đăng ký lần đầu ngày 28/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 số 0100108078 ngày 15 tháng 07 năm 2015.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HIGHWAY ENGINEERING CONSULTANT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: HECO.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 278 Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Đường bộ là 15.000.000.000 đồng, trong đó:

- Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP nắm giữ 51%
- Các cổ đông khác nắm giữ 49 %

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thí nghiệm vật liệu xây dựng và thí nghiệm địa chất công trình;
- Kiểm định, thử tải công trình (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật);
- Phân tích, nghiên cứu, đánh giá tác động môi trường;
- Điều tra, thu thập các số liệu về quy hoạch, dân sinh, kinh tế - xã hội, các vấn đề liên quan đến giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, xây dựng, công nghiệp;
- Điều tra, phân tích, thu thập các số liệu phục vụ thiết kế các công trình tiện ích giao thông;
- Thiết kế công trình thủy lợi;
- Thiết kế các công trình giao thông cầu, đường bộ;
- Thiết kế công trình cầu hầm;
- Thiết kế công trình đường sắt;
- Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế điện chiếu sáng công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông;
- Thiết kế nền, xử lý nền: đối với công trình xây dựng;
- Thiết kế biện pháp khảo sát công trình, khảo sát địa chất thủy văn;
- Khảo sát trắc địa công trình;
- Khảo sát thủy văn, môi trường;
- Khảo sát địa chất thủy văn, địa chất công trình;
- Thiết kế các công trình xây dựng cầu;
- Tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật và theo chứng chỉ ngành nghề);
- Lập quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết giao thông vận tải;
- Lập báo cáo đầu tư xây dựng, dự án đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế kỹ thuật;
- Lập tổng mức đầu tư dự án; Lập dự toán và tổng dự toán;
- Lập hồ sơ mời thầu, phân tích và đánh giá hồ sơ dự thầu;
- Thẩm tra: Hồ sơ khảo sát, dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và tổng dự toán (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật);

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (tiếp theo)**

- Tư vấn quản lý dự án, đầu tư xây dựng (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật theo chứng chỉ hành nghề);
- Các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm.

1.3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội tại ngày 31/12/2015.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - TK 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu tài chính hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình:

Phần mềm máy tính được ghi nhận theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc và thiết bị	05 - 07 năm
Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
Phần mềm máy tính	03 - 10 năm

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn chủ sở hữu hiện nay của Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông và trích lập các quỹ dự trữ sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trong năm 2015, Công ty ghi giảm doanh thu công trình Khảo sát, Thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán dự án ĐTXD tuyến đường bộ mới, đoạn Phú Lý - Mỹ Lộc với số tiền là: 1.080.334.545 đồng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên còn lại trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các bên liên quan bao gồm Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP, các Công ty thành viên thuộc Tổng Công ty và các cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt	1.673.536.586	902.615.745
Tiền gửi ngân hàng	2.949.136.370	10.303.551.277
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	2.399.877.008	7.947.516.832
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồng Đa	335.139.715	2.147.520.645
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN Đồng Đa	-	208.513.800
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Ba Đình	214.119.647	-
Cộng	4.622.672.956	11.206.167.022

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	13.163.924.289	12.115.210.681
Công ty TNHH MTV hạ tầng Sông Đà	597.902.000	2.334.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang	1.155.235.724	-
Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng Giao thông Quảng Trị	1.016.332.098	1.316.332.098
Ban QLCA Giao thông Hà Nam	911.270.826	911.270.826
Các khách hàng khác	9.483.183.641	7.553.607.757
Phải thu khách hàng là bên liên quan	4.715.002.226	1.421.611.000
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP	4.715.002.226	1.421.611.000
Cộng	17.878.926.515	13.536.821.681

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trả trước cho khách hàng ngắn hạn	1.543.547.100	764.280.000
Công ty TNHH Địa kỹ thuật và môi trường	566.945.100	40.000.000
Công ty CP QL Đường sông số 2	150.000.000	-
Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng Đường Sắt	160.000.000	160.000.000
Các đối tượng khác	666.602.000	564.280.000
Cộng	1.543.547.100	764.280.000

5.4 Phải thu khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	2.343.115.220	6.331.360	935.062.258	-
Tạm ứng	1.781.161.900	-	918.253.800	-
Phải thu khác	561.953.320	6.331.360	16.808.458	-
Cộng	2.343.115.220	6.331.360	935.062.258	-

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí SX kinh doanh dở dang	9.168.579.971	-	3.839.112.681	-
Cộng	9.168.579.971	-	3.839.112.681	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐƯỜNG BỘ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.6 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

				Đơn vị: VND
				Cộng
Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải		
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2015	563.504.131	2.535.357.943	2.170.891.333	5.269.753.407
Tăng trong kỳ	-	129.830.000	1.496.400.000	1.626.230.000
Mua trong kỳ	-	129.830.000	1.496.400.000	1.626.230.000
Giảm trong kỳ	-	-	546.653.333	546.653.333
Thanh lý	-	-	546.653.333	546.653.333
Số dư tại ngày 31/12/2015	563.504.131	2.665.187.943	3.120.638.000	6.349.330.074
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2015	460.249.475	1.609.718.316	1.666.431.252	3.736.399.043
Tăng trong kỳ	10.917.180	254.841.516	301.881.332	567.640.028
Khấu hao trong kỳ	10.917.180	254.841.516	301.881.332	567.640.028
Giảm trong kỳ	-	-	546.653.333	546.653.333
Thanh lý	-	-	546.653.333	546.653.333
Số dư tại ngày 31/12/2015	471.166.655	1.864.559.832	1.421.659.251	3.757.385.738
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2015	103.254.656	925.639.627	504.460.081	1.533.354.364
Tại ngày 31/12/2015	92.337.476	800.628.111	1.698.978.749	2.591.944.336

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.7 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2015	120.560.000	120.560.000
Tăng trong năm	281.162.000	281.162.000
Mua trong năm	281.162.000	281.162.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2015	401.722.000	401.722.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2015	120.560.000	120.560.000
Tăng trong năm	7.029.050	7.029.050
Khấu hao trong năm	7.029.050	7.029.050
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2015	127.589.050	127.589.050
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2015	-	-
Tại ngày 31/12/2015	274.132.950	274.132.950

5.8 Phải trả người bán

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	2.737.888.787	2.737.888.787	1.218.922.600	1.218.922.600
Công ty CP TVĐT Xây dựng và Thương mại Quốc tế APEX	1.303.395.000	1.303.395.000	-	-
Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 4	346.624.328	346.624.328	346.624.328	346.624.328
Công ty Bảo hiểm MIC Tây Bắc	432.432.251	432.432.251	-	-
Công ty TNHH Vật tư Khoa học Kỹ thuật	188.826.000	188.826.000	249.326.000	249.326.000
Đối tượng khác	466.611.208	466.611.208	622.972.272	622.972.272
Bên liên quan	249.686.550	249.686.550	192.295.600	192.295.600
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải - CTCP	249.686.550	249.686.550	192.295.600	192.295.600
Cộng	2.987.575.337	2.987.575.337	1.411.218.200	1.411.218.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.9 Người mua trả tiền trước

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Người mua trả tiền trước	2.525.677.260	6.643.633.914
BQLDA CTXD NN & PTNT Phú Thọ	1.082.280.350	941.598.350
Công ty CP ĐT BƠT Hà Nội - Bắc Giang	-	1.740.000.000
Ban QLDA Đường nổi TP Hạ Long với cầu Bạch Đằng	-	1.000.000.000
Công ty CP XNK tổng hợp Hà Nội	485.000.000	-
Đối tượng khác	958.396.910	2.962.035.564
Bên liên quan trả tiền trước	3.600.000.000	100.000.000
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế GTVT - CTCP	3.600.000.000	100.000.000
Cộng	6.125.677.260	6.743.633.914

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	472.489.454	-	4.642.301.354	3.503.457.640	-	666.354.260
Thuế thu nhập doanh nghiệp	219.108.523	-	1.052.118.899	466.030.000	-	366.980.376
Thuế thu nhập cá nhân	-	127.894.864	210.048.305	277.550.454	-	60.392.715
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	60.743.141	60.743.141	-	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Các khoản nộp nhà nước khác	-	-	81.666.120	81.666.120	-	-
Cộng	691.597.977	127.894.864	6.049.877.819	4.392.447.355	-	1.093.727.351

5.11 Các khoản phải trả khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	3.391.607.323	2.352.965.179
Kinh phí công đoàn	-	63.899.806
Phải trả chi phí sản xuất	2.797.039.406	2.061.829.469
Cổ tức phải trả	249.822.917	226.234.917
Các khoản phải trả, phải nộp khác	344.745.000	1.000.987
Cộng	3.391.607.323	2.352.965.179

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.12 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu							Đơn vị: VNĐ
	Vốn góp của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng	
Số dư 01/01/2014	11.550.000.000	-	2.045.502.300	843.389.166	3.110.087.320	17.548.978.786	
Tăng trong năm	-	-	1.307.183.876	157.000.000	3.694.736.587	5.158.920.463	
Trích lập các quỹ	-	-	1.307.183.876	157.000.000	-	1.464.183.876	
Lợi nhuận sau thuế năm 2014	-	-	-	-	3.694.736.587	3.694.736.587	
Giảm trong năm	-	-	-	1.000.389.166	3.075.832.775	4.076.221.941	
Chia cổ tức	-	-	-	-	1.790.250.000	1.790.250.000	
Trích quỹ KT, PL	-	-	-	-	821.788.065	821.788.065	
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.000.389.166	463.794.710	1.464.183.876	
Số dư tại 31/12/2014	11.550.000.000	-	3.352.686.176	-	3.728.991.132	18.631.677.308	
Số dư tại 01/01/2015	11.550.000.000	-	3.352.686.176	-	3.728.991.132	18.631.677.308	
Tăng trong năm	3.450.000.000	(1.280.000)	-	-	3.723.908.373	7.172.628.373	
Tăng vốn	3.450.000.000	-	-	-	-	3.450.000.000	
Mua cổ phiếu quỹ	-	(1.280.000)	-	-	-	(1.280.000)	
Lợi nhuận sau thuế năm 2015	-	-	-	-	3.723.908.373	3.723.908.373	
Giảm trong năm	-	-	3.352.686.176	-	3.813.991.132	7.166.677.308	
Bổ sung Vốn chủ sở hữu	-	-	3.352.686.176	-	97.313.824	3.450.000.000	
Trích quỹ KT, PL	-	-	-	-	1.753.177.308	1.753.177.308	
Chia cổ tức	-	-	-	-	1.963.500.000	1.963.500.000	
Số dư tại 31/12/2015	15.000.000.000	(1.280.000)	-	-	3.638.908.373	18.637.628.373	

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐƯỜNG BỘ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.12 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP	7.650.000.000	5.890.500.000
Vốn góp của các cổ đông khác	7.350.000.000	5.659.500.000
Cộng	15.000.000.000	11.550.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận, trích quỹ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15.000.000.000	11.550.000.000
Vốn góp tại đầu năm	11.550.000.000	11.550.000.000
Vốn góp tăng trong năm	3.450.000.000	-
Vốn góp tại cuối năm	15.000.000.000	11.550.000.000
Chia cổ tức, phân phối lợi nhuận, trích quỹ	3.813.991.132	3.075.832.775

d. Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	1.155.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.500.000	1.155.000
Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.155.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	128	-
Cổ phiếu phổ thông	128	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.499.872	1.155.000
Cổ phiếu phổ thông	1.499.872	1.155.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	-	3.352.686.176

5.13 Các chỉ tiêu ngoài Bảng cân đối kế toán

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chỉ tiêu		
Ngoại tệ USD	100,00	160,94

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	57.024.950.011	56.729.834.484
Cộng	57.024.950.011	56.729.834.484

6.2 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ cung cấp	41.050.885.754	41.396.404.415
Cộng	41.050.885.754	41.396.404.415

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi	318.894.739	569.966.080
Cộng	318.894.739	569.966.080

6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.003.034.640	4.516.019.791
Chi phí vật liệu quản lý	380.444.222	203.257.818
Chi phí đồ dùng văn phòng	827.692.845	867.004.941
Chi phí khấu hao TSCĐ	307.122.188	272.453.285
Thuế, phí, lệ phí	396.508.843	200.765.858
Chi phí khác bằng tiền	4.832.736.298	5.005.565.320
Cộng	11.747.539.036	11.065.067.013

Các khoản giảm chi phí quản lý doanh nghiệp

Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	156.371.543	-
--	-------------	---

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

6.5 Lợi nhuận khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập khác	235.107.312	1.100.000
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	222.727.273	-
Thu nhập khác	12.380.039	1.100.000
Chi phí khác	4.500.000	-
Chi phí khác	4.500.000	-
Lợi nhuận khác	230.607.312	1.100.000

6.6 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.312.265.762	15.411.249.546
Chi phí nhân công	23.364.900.000	21.591.668.764
Chi phí KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	2.024.599.750	2.250.539.637
Chi phí khấu hao tài sản cố định	574.669.078	482.990.449
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.588.801.397	6.675.943.322
Chi phí khác bằng tiền	4.791.837.097	4.497.239.857
Chi phí thuê phụ	3.470.818.996	3.874.696.167
Cộng	58.127.892.080	54.784.327.742

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.776.027.272	4.750.757.813
Điều chỉnh tăng các chi phí không được trừ	6.331.360	49.338.667
Khoản được chuyển lỗ trong kỳ tính thuế	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	4.782.358.632	4.800.096.480
<i>Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành 22%</i>	<i>1.052.118.899</i>	<i>1.056.021.226</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.052.118.899	1.056.021.226

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận sau Thuế TNDN	3.723.908.373	3.694.736.587
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.329.863	1.155.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.800	3.199

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐƯỜNG BỘ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

7.2 Thông tin về các bên liên quan**a) Tổng Công ty tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP:**

Đơn vị: VND

Công trình	Giao dịch năm 2015		Số dư 31/12/2015	
	Mua hàng/ dịch vụ	Bán hàng/ dịch vụ	Phải thu/ (nhận ứng trước)	Phải trả/ (ứng trước)
Vành đai 3	-	176.765.000	-	-
DA Đường Hạ Long - Móng Cái, đoạn HL - Vân Đồn, QL18 HL - Mông Dương	-	-	(3.500.000.000)	-
Dự án ĐTXD công trình đường HCM đoạn La Sơn - Tuý Loan	-	383.655.000	-	-
Đường Hoà Lạc - Hoà Bình theo hình thức BOT	-	3.393.927.000	3.393.927.000	-
Lương tư vấn	-	666.972.400	113.726.400	-
Quốc lộ 37	-	250.000.000	243.541.000	-
Hà nội - Điện Biên	-	-	82.361.000	-
Thủy Điện Sơn La	-	-	330.340.000	-
Hà Nội - Hải Phòng	-	-	456.160.000	-
Đường vào cảng Cái Lân và ga Cái Lân	-	667.288.000	-	-
Vành đai 4	-	494.946.826	94.946.826	-
DA gói thầu 3B - Cao tốc Đà Nẵng Quảng Ngãi	-	236.753.000	-	-
Dầu giấy đà lạt	-	60.000.000	-	-
Cầu Lai Hà và đường GT TĐ Lai Châu	-	-	-	-
DA tín dụng ngành GTVT để cải tạo mạng lưới đường quốc gia lần thứ 2	-	-	(100.000.000)	-
Phu-Thí-Phòng tỉnh Luông- Pra-Bang đi Na Son (CHDCND Lào)	-	186.376.000	-	-
Chi phí thuê văn phòng và các chi phí chung khác	2.401.719.950	-	-	249.686.550

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.2 Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)

b) Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải 4

Đơn vị: VND

Công trình	Giao dịch năm 2015		Số dư 31/12/2015	
	Mua hàng/ dịch vụ	Bán hàng/ dịch vụ	Phải thu/ (nhận ứng trước)	Phải trả/ (ứng trước)
KSTK dự án đường tránh Huế	-	131.183.000	-	-

c) Thông tin về lương và thù lao HĐQT, Ban điều hành và Ban kiểm soát của công ty

Đơn vị: VND

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Hội đồng quản trị và Ban giám đốc	2.126.901.052	2.038.849.173
Lương	1.909.801.052	1.957.617.173
Thù lao	217.100.000	81.232.000
Ban kiểm soát	714.823.322	620.199.584
Lương	643.923.322	597.119.584
Thù lao	70.900.000	23.080.000
Cộng	2.841.724.374	2.659.048.757

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.3 Thông tin so sánh**

Số dư tại ngày 31/12/2014 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc gia VIA - thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Integra International (nay là Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens).

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư số 200/2014/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Để thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 như sau:

Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 (Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC)			Bảng Cân đối kế toán tại ngày 01/01/2015 (Theo TT 200/2014/TT-BTC)			Ghi chú
Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm VND	Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm VND	
Các khoản phải thu khác	135	16.808.458	Phải thu ngắn hạn khác	136	935.062.258	Gộp số liệu theo thông tư
Tài sản ngắn hạn khác	158	918.253.800				

Người lập

Đinh Trọng Nghĩa

Kế toán trưởng

Nguyễn Hương Giang

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2016.

Giám đốc

**Hoàng Văn Thọ**